HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2025/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 chi tiết như Biểu 01/CMĐ.HĐ và các Biểu từ 1.1 đến 1.5 kèm theo Nghị quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó chịu trách nhiệm về sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan, về đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất được

cấp có thẩm quyền phân bổ và các thông tin, số liệu làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án tại Điều 1 Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 01/CMĐ.HĐ:

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Trong đó				Ghi chú
					Đất chuyên trồng lúa (LUC)	Đất trồng lúa còn lại (LUK)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)	
1	Huyện Tư Nghĩa	1	0,22	0,22	0,12				Biểu 1.1
2	Huyện Bình Sơn	7	84	82,5	19,22			0,45	Biểu 1.2
3	Huyện Minh Long	2	0,29	0,29	0,28	0,007			Biểu 1.3
4	Huyện Sơn Tây	1	0,27	0,27				0,13	Biểu 1.4
5	Thị xã Đức Phổ	1	12,00	2,69				2,69	Biểu 1.5
	Tổng	**12**	**96,78**	**85,97**	**19,62**	**0,007**	**0**	**3,27**	

Biểu 1.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)													Ghi chú
		Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)		Địa điểm (đến cấp xã,)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(9)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Ngoài ngân sách**														
1	Chùa Cảnh Tiên	0,22	0,22			0,12						Xã Nghĩa Thương	Tờ 18, xã Nghĩa Thương	Công văn 2469/UBND-KTN ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh	NQ 25/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 Đã ban hành thông báo thu hồi đất, xin tiếp tục để triển khai, hoàn thành dự án
	Tổng cộng	**0,22**	**0,22**	**0**	**0**	**0,12**	**0**	**0**							

Biểu 1.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
A	**Trong ngân sách**														
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.09 (Bình Minh – Bình An)	10,85	10,85		0,51	0,51						Xã Bình Minh và xã Bình An, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 18, 27 ,28, 42, 53, xã Bình Minh và các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 61, 66 xã Bình An	Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc điều chỉnh dự toán thu, phân bổ chi ngân sách huyện năm 2023	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
2	Trồng cây xanh cụm công nghiệp Bình Nguyên	3,50	3,50		0,8	0,8						Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 34,35,37	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách huyện	
3	Trạm biến áp 110kV Bình Nguyên và đấu nối	1,01	1,01		0,41	0,41				0,45		xã Bình Long; xã Bình Chương; Thị trấn Châu ổ		Quyết định số 8329/QĐ-EVN CPC ngày 01/12/2015 của Tổng Công ty điện lực miền trung về việc quản lý đầu tư xây dựng dự án TBA 110 KV Bình Nguyên và đấu nối; Công văn số 3088/UBND-CNXD ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110 KV, 22KV và vị trí trạm biến áp 110KV Bình Nguyên	
B	**Ngoài ngân sách**														
4	Xưởng cơ khí Thượng Hải, Dung Quất	2,40	0,90		0,9	0,9						Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 45 và 51	Dự án được Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 88/QĐ-BQL ngày 10/4/2017, điều chỉnh tại các Quyết định số 335/QĐ-BQL ngày 16/10/2017, số 361/QĐ-BQL ngày 14/11/2019 và số 414/QĐ-BQL ngày 12/10/2023	Đang thực hiện kiểm kê, lập thẩm định phương án bồi thường. Xin thông qua danh mục đất lúa để chuyển mục đích, giao đất.
5	Kho bãi nhà xưởng công nghiệp phục vụ cho thuê	20,00	20,00		4,5	4,5						Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ 58, 59, 65	Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 223/QĐ-BQL ngày 15/7/2019 và Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 236/QĐ-BQL ngày 19/10/2020	Đang thực hiện kiểm kê, lập thẩm định phương án bồi thường. Xin thông qua danh mục đất lúa để chuyển mục đích, giao đất.
6	Khu tổ hợp nhà xưởng, kho bãi và văn phòng cho thuê	42,3	42,3		8,9	8,9						Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ 39, 40, 45, 46, 51, 52, 58 và 59	Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 240/QĐ-BQL ngày 02/8/2019 (Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 203/QĐ-BQL ngày 25/8/2020. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại các Quyết định số 22/QĐ-BQL ngày 27/01/2022 và số 404/QĐ-BQL ngày 09/10/2023).	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
7	Khu dân cư Nam Bình	3,94	3,94		3,2	3,2						Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 14 và 21	Nằm trong danh mục thuộc Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Đăng ký mới KHSDĐ 2025
	Tổng cộng:	**84,00**	**82,50**	**0,00**	**19,22**	**19,22**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,45**	**0,00**				

Biểu 1.3

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RĐD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
I	**Đăng ký mới năm 2025**														
1	Khu dân cư Đồng Vông (1,7 ha) (GĐ1)	0,22	0,22		0,220	0,22						Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	Công trình được thông qua tại Nghị Quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 nay xin chuyển mục đích sử dụng đất.
2	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn 2	0,07	0,07		0,063	0,063						Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 09 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà văn hoá, sân thể thao Thôn 2	
	Tổng cộng:	**0,29**	**0,29**	**0,00**	**0,283**	**0,2830**	**0,000**	**0,00**	**0,00**	**0,0000**	**0,00**				

Biểu 1.4

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RĐD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
A	**Trong ngân sách**														
B	**Ngoài ngân sách**														
1	Dự án: Thủy điện Sơn Trà 1; hạng mục: Trụ điện đường dây 110kV	0,27	0,27							0,13		Xã Sơn Tình và Sơn Lập	Tờ BĐĐC khu đất số 1, 2, 3, 4, 5 xã Sơn Lập tỷ lệ 1/2000	Quyết định số 4971/QĐ-BCT ngày 22/5/2015 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020; Văn bản số 1830/SCT-QLNL ngày 09/11/2016 của Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy thủy điện Sơn Trà 1 vào hệ thống điện Quốc gia; GCNĐT số 34121000076 và 8238373614 điều chỉnh lần 3 ngày 31/7/2018 về việc chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Sơn Trà 1.	Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020; Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 05/04/2024. Đến nay hạng mục Trụ điện đường dây 110kV đã được thu hồi đất và Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng và thuê đất.
	Tổng cộng	**0,27**	**0,27**							**0,13**					

Biểu 1.5

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)										Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
		Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
I	**Trong ngân sách**														
II	**Ngoài ngân sách**														
1	Mỏ đá Phía Đông Đèo Bình Đê	12,00	2,69							2,69		xã Phổ Châu	tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/5000, xã Phổ Châu	Công văn số 215/UBND-KTN ngày 10/01/2025 của UBND tỉnh chấp thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá phía Đông đèo Bình Đê	HĐND tỉnh thông qua chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang mục khác tại Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 với diện tích 5,27 ha. Nay đăng ký bổ sung chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang mục đích khác đối với phần diện tích 2,69ha.
	Tổng cộng	**12,00**	**2,69**							**2,69**					